

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng DD & Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 5
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Vật lý đại cương Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3375010005	Đỗ Duy	Anh	15/03/1991	8	9					8.50	2.55	1.00	0.70	3	
2	3375010022	Tạ Ngọc	Chính	20/05/1991	9	6					7.50	2.25	1.00	0.70	3	
3	3375010031	Nguyễn	Cường	26/10/1991	6	7					6.50	1.95	6.00	4.20	6	
4	3375010052	Nguyễn Quang	Duy	01/06/1989	7	7					7.00	2.10	3.00	2.10	4	
5	3375010065	Nguyễn Hoàng	Dương	06/11/1991	5	7					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
6	3375010067	Nguyễn Văn	Dương	15/11/1991	8	7					7.50	2.25	5.00	3.50	6	
7	3375010081	Đào Duy	Điệp	02/01/1991	8	8					8.00	2.40	2.00	1.40	4	
8	3375010082	Mai Minh	Điệp	14/01/1991	10	9					9.50	2.85	4.00	2.80	6	
9	3375010086	Phạm Thanh	Đồng	23/06/1990	6	6					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
10	3375010097	Huỳnh Long	Giao	15/09/1991	6	7					6.50	1.95	4.00	2.80	5	
11	3375010098	Hà Văn	Giảng	25/09/1991	7	5					6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
12	3375010101	Trần Đăng	Hậu	20/09/1991	9	7					8.00	2.40	1.00	0.70	3	
13	3375010107	Lê Bá	Hải	30/10/1990	8	8					8.00	2.40	8.00	5.60	8	Bảo lưu
14	3375010116	Vi Thanh	Hải	18/01/1990	6	8					7.00	2.10	4.00	2.80	5	
15	3375010118	Trương Thanh	Hiền	20/06/1991	5	9					7.00	2.10	4.00	2.80	5	
16	3375010121	Châu Quốc	Hoàng	12/08/1991	9	7					8.00	2.40	5.00	3.50	6	
17	3375010128	Nguyễn Khắc	Hùng	20/12/1988	8	8					8.00	2.40	2.00	1.40	4	
18	3375010135	Lê Viết	Hơn	07/06/1991	7	7					7.00	2.10	3.00	2.10	4	
19	3375010143	Nguyễn Văn	Kháng	23/02/1990	8	7					7.50	2.25	5.00	3.50	6	
20	3375010147	Trương Văn	Khánh	17/01/1991	8	7					7.50	2.25	4.00	2.80	5	
21	3375010157	Huỳnh Nguyễn	Kính	28/02/1991	9	9					9.00	2.70	1.00	0.70	3	Học lại

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3375010158	Nguyễn Ngọc	Kỳ	03/03/1991	5	8					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
23	3375010169	Trương Xuân	Linh	26/05/1990	8	6					7.00	2.10	6.00	4.20	6	
24	3375010186	Nguyễn Văn	Lý	10/07/1991	8	6					7.00	2.10	7.00	4.90	7	
25	3375010189	Bùi Văn	Mão	16/05/1988	9	6					7.50	2.25	4.00	2.80	5	
26	3375010206	Lê Trọng	Nghĩa	10/03/1991	7	5					6.00	1.80	6.00	4.20	6	
27	3375010214	Nguyễn Trọng	Nhân	11/11/1991	8	8					8.00	2.40	8.00	5.60	8	
28	3375010229	Hoàng Ngọc	Phong	01/07/1990	9	7					8.00	2.40	2.00	1.40	4	
29	3375010257	Nguyễn Phúc Minh	Quân	08/04/1991	6	6					6.00	1.80	2.00	1.40	3	
30	3375010267	Nguyễn Đức	Sang	10/09/1990	9	9					9.00	2.70	9.00	6.30	9	Bảo lưu
31	3375010268	Nguyễn Ngọc	Sang	20/07/1991		6	8				7.00	2.10	2.00	1.40	4	
32	3375010269	Trang Quốc	Sang	18/04/1989	5	6					5.50	1.65	4.00	2.80	4	Học lại
33	3375010286	Phan Tăng	Tân	04/02/1991	6	7					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
34	3375010295	Lê Hải	Thanh	09/08/1988	6	6					6.00	1.80	3.00	2.10	4	
35	3375010296	Nguyễn Cao	Thanh	01/08/1991	5	8					6.50	1.95	3.00	2.10	4	
36	3375010298	Phạm Văn	Thanh	10/12/1991	10	9					9.50	2.85	1.00	0.70	4	
37	3375010302	Hồ Văn	Thắng	16/01/1990	9	8					8.50	2.55	2.00	1.40	4	
38	3375010324	Mai Thành	Thống	26/03/1991	6	6					6.00	1.80	3.00	2.10	4	
39	3375010334	Huỳnh Văn	Thịnh	20/08/1990	8	8					8.00	2.40	2.00	1.40	4	Học lại
40	3375010342	Nguyễn Quốc	Tiến	25/05/1990	8	7					7.50	2.25	4.00	2.80	5	
41	3375010362	Phạm Thanh	Trung	03/01/1991	8	6					7.00	2.10	1.00	0.70	3	
42	3375010365	Phan Đình	Trị	25/01/1991	6	8					7.00	2.10	2.00	1.40	4	
43	3375010390	Nguyễn Thanh	Tùng	22/11/1991	8	8					8.00	2.40	1.00	0.70	3	Học lại
44	3375010392	Phạm Chí	Tuyến	25/12/1991	6	8					7.00	2.10	5.00	3.50	6	
45	3375010395	Đỗ Minh	Ty	20/04/1990	9	6					7.50	2.25	5.00	3.50	6	Học lại
46	3375010406	Vy Thanh	Vinh	09/06/1991	5	7					6.00	1.80	1.00	0.70	3	
47	3375010414	Dương Mạnh	Vĩnh	15/07/1989	9	7					8.00	2.40	2.00	1.40	4	
48	3375010415	Nguyễn Quốc	Vĩnh	21/06/1991	6	6					6.00	1.80	1.00	0.70	3	

49	3375010418	Nguyễn Minh	Vương	20/05/1990	6	8					7.00	2.10	9.00	6.30	8	
----	------------	-------------	-------	------------	---	---	--	--	--	--	------	------	------	------	---	--

Tổng: 49.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	1	2.0
Giỏi	3	6.1
Khá	1	2.0

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	9	18.4
Trung bình	11	22.4
Không đạt	24	49.0
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....

Giáo Vụ Khoa